

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**
-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2024
V/v: “*Không công nhận vợ chồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
 - + *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Cảnh Toàn**.
 - + *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Bùi Văn Liên** và bà **Nguyễn Thị Chinh**.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông **Nguyễn Mậu Tuấn** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gian phiên tòa:**
Ông **Trần Minh Hoàng** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2024, về việc: “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2024, giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H** - Sinh năm 1971.
Địa chỉ: Thôn Q – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
- Bị đơn: Bà **Vũ Thị A** - Sinh năm 1973.
Địa chỉ: Thôn Q – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, ông **Nguyễn Văn H** trình bày: Tôi và chị **Vũ Thị A** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, lối sống nên tình cảm ngày càng nhạt phai. Do tôi và chị **Vũ Thị A** không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên tôi đề nghị Tòa án tuyên bố mối quan hệ giữa tôi và chị **Vũ Thị A** không phải là vợ chồng.

Về con chung, quá trình chung sống với chị Vũ Thị A thì chúng tôi có 02 con là Nguyễn Văn H – sinh năm 1994 và Nguyễn Vũ H – sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại bản tự khai, bà Vũ Thị A trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì giữa tôi và anh Nguyễn Văn H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chúng tôi không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung nên anh Nguyễn Văn H và tôi không phải là vợ chồng thì tôi đồng ý với ý kiến của anh Hà đưa ra, đề nghị Tòa án tuyên bố giữa tôi và anh Nguyễn Văn H không phải là vợ chồng.

Về con chung như anh Nguyễn Văn H đã trình bày là đúng sự thật. Chúng tôi có 02 con là Nguyễn Văn H – sinh năm 1994 và Nguyễn Vũ H – sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, tôi cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến và đề nghị tuyên bố mối quan hệ giữa hai người không phải là vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc thụ lý và quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình của để chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Tuyên bố mối quan hệ giữa ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị A không phải là vợ chồng.

Con chung đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không đặt ra để xem xét. Tài sản và nợ, do các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

Án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu tuyên bố quan hệ giữa ông và bà Vũ Thị A không phải là vợ chồng nên quan hệ tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng, được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Bị đơn bà Vũ Thị A cư trú tại thôn Q - xã E - huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Năng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993. Việc hai người chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, do hai người quyết định, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa ông H với bà A đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị A có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên phải chịu hậu quả của việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau thì giữa ông H và bà A đã không có thái độ tôn trọng nhau, thường xích mích, xúc phạm nhau. Hai người không quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nói chung và trong công việc nói riêng.

Xét mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị A không thể hàn gắn được với nhau, tình cảm đã hết. Căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố quan hệ giữa hai người không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Các con chung là Nguyễn Văn H – sinh năm 1994 và Nguyễn Vũ H – sinh năm 2000 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi), đầy đủ năng lực hành vi cũng năng lực nhận thức nên việc nuôi con không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[2.4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị A không phải là vợ chồng.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0002598 ngày 19/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

Báo cho các đương sự biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- LưuHSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn